

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 18B DỰ THI HẾT HỌC PHẦN I - TX.109

Tổ chức tại: Số 25/84 Nguyễn Bình Khiêm, Quận.1, Tp.HCM

Ngày thi: 07/06/2008

S TT	MS SV	Số Báo danh	Họ và Tên	Năm Sinh	TX.109				Ghi chú	
					Nghe	Nói	Đọc	Viết		
1	B.002	TX.002	H-Nguyệt	ÊBan	24/04/86	4.0	8.0	5.0	6.0	
2	B.003	TX.003	Lê Hải	Đăng	20/10/89	8.0	5.0	5.0	5.0	
3	B.005	TX.005	Trần Tiên	Đạo	02/01/71	5.0	7.0	5.0	4.0	
4	B.007	TX.007	Lăng Văn	Đống	29/04/63	5.0	8.0	7.0	6.0	
5	B.009	TX.009	Đinh Huy	Đức	26/07/82	6.0	7.0	6.0	5.0	
6	B.010	TX.010	Lương Ngọc	Định	17/03/79	5.0	6.0	4.0	4.0	Trượt
7	B.011	TX.011	Huỳnh Thái	An	16/08/87	5.0	6.0	5.0	4.0	
8	B.012	TX.012	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	05/06/79	6.0	7.0	6.0	4.0	
9	B.013	TX.013	Vũ Tuấn	Anh	02/04/87	5.0	5.0	6.0	4.0	
10	B.017	TX.017	Trần Quốc	Bình	10/02/75	5.0	6.0	6.0	4.0	
11	B.018	TX.018	Nguyễn Thị Thu	Ba	11/03/62	6.0	6.0	6.0	6.0	
12	B.019	TX.019	Lương Ngọc	Bích	25/06/83	8.0	7.0	6.0	7.0	
13	B.020	TX.020	Nguyễn Văn	Công	22/10/83	5.0	6.0	6.0	5.0	
14	B.021	TX.021	Trần Hoàng	Công	01/12/81	5.0	8.0	6.0	6.0	
15	B.022	TX.022	Mạc Phi Nguyệt	Cầm	30/08/81	6.0	8.0	7.0	6.0	
16	B.024	TX.024	Nguyễn Cao Quốc	Cường	21/22/84	5.0	7.0	5.0	6.0	
17	B.025	TX.025	Nguyễn Mạnh	Cường	30/12/68	5.0	6.0	7.0	5.0	
18	B.027	TX.027	Trần Văn	Cường	25/09/75	6.0	7.0	5.0	7.0	
19	B.029	TX.029	Huỳnh Kim	Châu	03/10/82	7.0	8.0	6.0	6.0	
20	B.030	TX.030	Trì Linh Phụng	Châu	08/05/78	6.0	7.0	6.0	6.0	
21	B.031	TX.031	Phạm Thị Tuyết	Chinh	28/04/89	7.0	7.0	6.0	6.0	
22	B.032	TX.032	Hồ Văn	Chung	01/04/88	4.0	5.0	6.0	6.0	
23	B.033	TX.033	Nguyễn Thị Kim	Cúc	03/03/80	6.0	8.0	5.0	6.0	
24	B.034	TX.034	Phan Vũ Thùy	Dương	01/10/85	7.0	7.0	5.0	5.0	
25	B.035	TX.035	Phạm Thế	Dũng	08/11/71	5.0	7.0	7.0	5.0	
26	B.036	TX.036	Đỗ Mưu	Duyệt	19/09/84	6.0	6.0	4.0	5.0	
27	B.038	TX.038	Phan Ngọc	Duy	09/10/84	6.0	8.0	6.0	5.0	
28	B.039	TX.039	Võ Ngọc Lan	Giao	07/07/72	6.0	7.0	6.0	5.0	
29	B.040	TX.040	Cao Ngọc	Hân	09/11/71	6.0	8.0	7.0	6.0	
30	B.041	TX.041	Võ Thị Ngọc	Hân	09/12/89	5.0	7.0	5.0	6.0	
31	B.042	TX.042	Trần Thị Thanh	Hương	05/04/67	6.0	5.0	4.0	5.0	
32	B.043	TX.043	Hồ Hoài	Hương	17/12/73	5.0	7.0	5.0	6.0	

S TT	MS SV	Số Báo danh	Họ và Tên	Năm Sinh	TX.109				Ghi chú
					Nghe	Nói	Đọc	Viết	
33	B.045	TX.045	Hiền Mỹ Hà	21/12/76	6.0	6.0	5.0	8.0	
34	B.047	TX.047	Nguyễn Ngọc Hà	08/05/81	7.0	6.0	4.0	4.0	Trượt
35	B.048	TX.048	Nguyễn Thị Hào	20/09/88	7.0	6.0	6.0	5.0	
36	B.050	TX.050	Huỳnh Văn Hảo	23/04/78	5.0	6.0	7.0	7.0	
37	B.052	TX.052	Đặng Thị Hữu Hạnh	08/06/62	6.0	8.0	5.0	7.0	
38	B.054	TX.054	Nguyễn Tuấn Hùng	09/01/65	5.0	7.0	5.0	6.0	
39	B.055	TX.055	Nguyễn Thanh Hiền	18/08/79	6.0	6.0	5.0	4.0	
40	B.056	TX.056	Nguyễn Thanh Hiền	13/10/74	7.0	8.0	5.0	7.0	
41	B.057	TX.057	Phạm Hồng Hiệp	22/12/87	6.0	6.0	5.0	5.0	
42	B.058	TX.058	Đặng Ngọc Hiếu	20/10/80	6.0	7.0	3.0	4.0	Trượt
43	B.060	TX.060	Lê Chí Hiếu	01/03/85	6.0	6.0	4.0	6.0	
44	B.061	TX.061	Nguyễn Thị Minh Hoàng	02/08/57	3.0	6.0	5.0	4.0	Trượt
45	B.062	TX.062	Nguyễn Thị Thủy Hoàng	20/10/76	8.0	7.0	6.0	6.0	
46	B.064	TX.064	Trần Thị Hòa	21/11/78	7.0	7.0	6.0	4.0	
47	B.065	TX.065	Phạm Thị Huệ	16/09/89	7.0	6.0	3.0	6.0	Trượt
48	B.066	TX.066	Nguyễn Thị Mỹ Huỳnh	27/06/88	7.0	6.0	5.0	5.0	
49	B.068	TX.068	Nguyễn Thị Mộng Huyền	29/10/82	7.0	8.0	5.0	6.0	
50	B.069	TX.069	Đào Hồng Khánh	24/02/81	6.0	7.0	6.0	6.0	
51	B.070	TX.070	Hồ Minh Khôi	17/07/73	6.0	6.0	6.0	6.0	
52	B.071	TX.071	Nguyễn Tương Khởi	13/10/61	5.0	6.0	7.0	7.0	
53	B.074	TX.074	Quách Triển Khuôn	12/09/89	5.0	5.0	6.0	6.0	
54	B.075	TX.075	Trương Thúy Kiều	29/10/88	8.0	7.0	6.0	7.0	
55	B.076	TX.076	Trương Trịnh Bằng Lãng	28/04/77	7.0	7.0	6.0	7.0	
56	B.077	TX.077	Phạm Tường Lâm	09/07/80	6.0	6.0	6.0	4.0	
57	B.081	TX.081	Lê Thanh Liêm	13/04/84	8.0	7.0	5.0	6.0	
58	B.082	TX.082	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	30/10/87	6.0	7.0	6.0	5.0	
59	B.084	TX.084	Trần Thị Thùy Linh	05/11/85	6.0	5.0	6.0	5.0	
60	B.085	TX.085	Đặng Thị Mỹ Lệ	01/03/82	7.0	7.0	5.0	6.0	
61	B.089	TX.089	Nguyễn Thảo Ly	14/08/82	6.0	6.0	4.0	4.0	Trượt
62	B.091	TX.091	Võ Văn Mạnh	09/12/54	6.0	7.0	7.0	8.0	
63	B.092	TX.092	Đào Nguyễn Xuân Mai	01/07/88	7.0	7.0	7.0	8.0	
64	B.093	TX.093	Nguyễn Thị Maria	10/01/84	7.0	7.0	7.0	7.0	
65	B.094	TX.094	Trương Thị Ngọc Miên	18/11/86	7.0	8.0	6.0	7.0	
66	B.095	TX.095	Nguyễn Văn Minh	20/03/78	3.0	5.0	5.0	2.0	Trượt
67	B.096	TX.096	Nguyễn Thị Hằng Nga	25/11/71	8.0	6.0	6.0	6.0	
68	B.098	TX.098	Huỳnh Bảo Ngọc	19/06/84	5.0	7.0	6.0	8.0	
69	B.100	TX.100	Trần Thị Bích Ngọc	03/07/70	7.0	5.0	7.0	7.0	
70	B.101	TX.101	Đỗ Thị Thanh Nhân	08/09/89	7.0	6.0	6.0	5.0	
71	B.102	TX.102	Trần Vũ Tố Nhi	30/11/78	6.0	8.0	6.0	6.0	
72	B.103	TX.103	Nguyễn Trường Phát	08/11/89	7.0	6.0	7.0	4.0	

S TT	MS SV	Số Báo danh	Họ và Tên	Năm Sinh	TX.109				Ghi chú	
					Nghe	Nói	Đọc	Viết		
73	B.104	TX.104	Khắc Ngọc	Phương	06/09/82	5.0	6.0	5.0	3.0	Trượt
74	B.105	TX.105	Lê Nguyễn Uyên	Phương	27/02/78	6.0	7.0	7.0	5.0	
75	B.107	TX.107	Thái Huỳnh	Phương	16/11/83	8.0	5.0	6.0	5.0	
76	B.108	TX.108	Võ Thị Mai	Phương	12/01/79	5.0	7.0	5.0	4.0	
77	B.109	TX.109	Trần Ngọc	Phước	09/02/82	6.0	8.0	4.0	5.0	
78	B.110	TX.110	Trần Thị Kim	Phượng	03/07/84	8.0	6.0	7.0	6.0	
79	B.111	TX.111	Lương Thanh	Nam	27/06/78	6.0	8.0	7.0	6.0	
80	B.112	TX.112	Trần Đình	Phú	15/08/85	7.0	7.0	7.0	6.0	
81	B.113	TX.113	Nguyễn Thị	Phúc	11/09/86	6.0	6.0	7.0	5.0	
82	B.114	TX.114	Đỗ Thị	Phụng	15/07/79	3.0	5.0	4.0	4.0	Trượt
83	B.115	TX.115	Nguyễn Trương Anh	Phụng	01/10/84	7.0	7.0	5.0	6.0	
84	B.116	TX.116	Nguyễn Trung	Quân	30/05/89	8.0	6.0	7.0	6.0	
85	B.117	TX.117	Nguyễn Duy	Quang	22/03/78	9.0	8.0	8.0	5.0	
86	B.119	TX.119	Lê Tấn	Quốc	28/02/67	6.0	8.0	7.0	5.0	
87	B.121	TX.121	Nguyễn Việt	Quốc	16/03/87	7.0	8.0	7.0	7.0	
88	B.123	TX.123	Bùi Thanh	Quý	30/01/78	7.0	8.0	6.0	7.0	
89	B.125	TX.125	Lê Khánh Bảo	Quyên	07/06/80	5.0	7.0	4.0	5.0	
90	B.126	TX.126	Đặng Trần	Quyên	13/09/72	3.0	6.0	6.0	3.0	Trượt
91	B.127	TX.127	Nguyễn Huỳnh Thanh	Sang	03/07/81	8.0	8.0	8.0	6.0	
92	B.130	TX.130	Nguyễn Phước	Tài	03/01/89	7.0	6.0	7.0	6.0	
93	B.132	TX.132	Nguyễn Thị Ngọc	Thái	19/09/78	7.0	7.0	5.0	5.0	
94	B.133	TX.133	Vũ Thành	Thái	19/07/84	7.0	8.0	7.0	7.0	
95	B.134	TX.134	Nguyễn Văn	Thành	02/06/65	6.0	7.0	6.0	4.0	
96	B.135	TX.135	Trần Tấn	Thành	09/09/83	7.0	5.0	7.0	6.0	
97	B.136	TX.136	Vũ Trọng	Thành	18/08/87	7.0	8.0	7.0	6.0	
98	B.137	TX.137	Hùynh Nhật	Thành	29/06/85	9.0	6.0	6.0	4.0	
99	B.138	TX.138	Võ Minh	Thành	25/10/81	7.0	8.0	7.0	6.0	
100	B.139	TX.139	Thái Trương Hương	Thảo	16/10/87	5.0	7.0	5.0	5.0	
101	B.140	TX.140	Đinh Thị Thu	Thảo	28/04/86	9.0	8.0	7.0	5.0	
102	B.141	TX.141	Bùi Thị Phương	Thảo	10/10/89	7.0	6.0	6.0	4.0	
103	B.143	TX.143	Trần Thị	Thắm	13/05/83	8.0	7.0	7.0	5.0	
104	B.144	TX.144	Vũ Minh	Thắng	16/01/84	6.0	7.0	5.0	5.0	
105	B.145	TX.145	Nguyễn Thị Ngọc	Thạch	26/09/86	6.0	7.0	7.0	4.0	
106	B.148	TX.148	Nguyễn Hoàng Diễm	Thúy	04/10/88	5.0	8.0	7.0	5.0	
107	B.149	TX.149	Phạm Thị Thanh	Thúy	22/08/78	6.0	6.0	8.0	5.0	
108	B.150	TX.150	Lê Kim	Thúy	01/09/84	1.0	7.0	4.0	4.0	Trượt
109	B.151	TX.151	Nguyễn Thị Bích	Thúy	27/10/79	5.0	6.0	7.0	6.0	
110	B.152	TX.152	Lại Thị Diễm	Thu	26/11/71	7.0	7.0	8.0	6.0	
111	B.154	TX.154	Lê Thị Cẩm	Thu	18/08/82	3.0	7.0	6.0	6.0	Trượt
112	B.155	TX.155	Lư Hòa	Thuận	27/03/81	7.0	7.0	7.0	6.0	

S TT	MS SV	Số Báo danh	Họ và Tên	Năm Sinh	TX.109				Ghi chú
					Nghe	Nói	Đọc	Viết	
113	B.156	TX.156	Lê Thanh Thuận	05/05/86	3.0	8.0	5.0	5.0	Trượt
114	B.157	TX.157	Nguyễn Phước Thủy Tiên	24/12/76	6.0	6.0	5.0	6.0	
115	B.159	TX.159	Hoàng Đức Toại	18/11/82	5.0	6.0	7.0	5.0	
116	B.160	TX.160	Huỳnh Ngọc Trân	19/03/87	3.0	6.0	5.0	5.0	Trượt
117	B.163	TX.163	Triệu Bảo Trâm	11/10/87	5.0	7.0	5.0	4.0	
118	B.164	TX.164	Nguyễn Thụy Hồng Bảo Trân	04/10/84	6.0	6.0	4.0	5.0	
119	B.165	TX.165	Đặng Quốc Trang	13/04/83	5.0	8.0	7.0	6.0	
120	B.166	TX.166	Nguyễn Lê Thùy Trang	25/09/89	8.0	7.0	7.0	6.0	
121	B.167	TX.167	Trần Thị Thanh Trang	21/09/83	6.0	6.0	6.0	5.0	
122	B.169	TX.169	Bùi Hồng Thanh Trúc	08/09/89	6.0	7.0	7.0	6.0	
123	B.171	TX.171	Triệu Đạt Trí	20/10/72	5.0	7.0	6.0	4.0	
124	B.174	TX.174	Đinh Thị Mộng Tuyên	28/12/86	5.0	6.0	5.0	5.0	
125	B.176	TX.176	Võ Thị Hồng Vân	03/05/83	8.0	5.0	6.0	5.0	
126	B.178	TX.178	Nguyễn Đắc Vũ	03/10/79	8.0	5.0	7.0	4.0	
127	B.180	TX.179	Lê Thoại Vy	26/12/80	4.0	7.0	5.0	3.0	Trượt
128	B.181	TX.180	Nguyễn Lê Thụy Vy	26/10/84	6.0	6.0	6.0	6.0	
129	B.182	TX.181	Nguyễn Thị Tường Vy	03/06/82	6.0	8.0	6.0	5.0	
130	B.161	TX.182	Phan Huynh Thanh Vy	19/10/83	5.0	7.0	6.0	5.0	
131	B.185	TX.185	Lê Hải Yến	22/04/88	2.0	5.0	4.0	4.0	Trượt

Hà Nội, ngày tháng năm 2008

Người lên điểm

TL. Hiệu Trưởng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

DANH SACH SINH VIEN THI LAI HOC PHAN I - TX.109

Tổ chức tại: Số 25/84 Nguyễn Bình Khiêm, Quận.1, Tp.HCM

Ngày thi: 07/06/2008

S TT	MS SV	Họ và Tên	Năm Sinh	TX.109				Khoá	Ghi chú
				Nghe	Nói	Đọc	Viết		
1	T.0073	Nguyễn Q Đại	06.08.84	5.0	5.0	9.0	6.0	15B	
2	R.0129	Hoàng Quốc Đạt	14.05.83	7.0	5.0	6.0	4.0	14B	
3	14B	Cao Như An	06.11.81	5.0	6.0	7.0	4.0	15A	
4	S.0016	Huỳnh Thị Anh	28.02.85	5.0	7.0	6.0	6.0	15A	
5		Nguyễn Bàn Cường	18.10.76	6.0	7.0	6.0	4.0	18A	
6		Nguyễn Văn Cường	24.09.84	5.0	7.0	7.0	6.0	18B	
7	ABS.002	Nguyễn Bảo Châu	30.10.59	6.0	8.0	6.0	5.0	18A	

[illegible]